

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2019

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Linh.

2/ Ông Diệp Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/8/2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Nguyễn Chiến C, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị Tú T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Nguyễn Chiến C trình bày: Vào năm 2011 qua mai mối, được sự hợp tác của hai gia đình, ông C và bà T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73, ngày 17/5/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã nên bà T đã dẫn con là Hồ Quỳnh H về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 10/2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà T.

Thời gian chung sống vợ chồng có ba con chung là Hồ Anh T, sinh ngày 25/02/2011, Hồ Huỳnh N, sinh ngày 03/10/2013 và Hồ Quỳnh H, sinh ngày

01/11/2015. Hiện Hồ Quỳnh H đang chung sống với bà T. Hồ Huỳnh N và Hồ Anh T đang chung sống với ông C. Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hồ Anh T và Hồ Huỳnh N đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông C đồng ý giao cháu Hồ Quỳnh H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, ông không phải cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Bùi Thị Tú T, nhưng bà T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông C, đồng thời bà T cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Nguyễn Chiến C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bà Bùi Thị Tú Trinh, nhưng bà Trinh vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Nguyễn Chiến C, nhận thấy ông C và bà T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển 01/2011 ngày 17/5/2011. Quan hệ hôn nhân của ông C và bà T không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng ý kiến, dẫn đến cãi vã, bà T đã dẫn con là Hồ Quỳnh H về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 10/2016 đến nay. Hiện ông C nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với bà T, không thể hàn gắn được nên có nguyện vọng ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích động viên ông C suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T, nhưng ông C vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông C được ly hôn với bà T.

[3] Thời gian chung sống ông C và bà T có ba con chung là Hồ Anh T, sinh ngày 25/02/2011, Hồ Huỳnh N, sinh ngày 03/10/2013, Hồ Quỳnh H, sinh ngày 01/11/2015. Hiện Hồ Quỳnh H đang chung sống với bà T. Hồ Huỳnh N và Hồ Anh T đang chung sống với ông C. Ông C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con

chung là Hồ Anh T, Hồ Huỳnh N đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Ông C đồng ý giao cháu Hồ Quỳnh H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi, ông không phải cấp dưỡng nuôi cháu H. Để đảm bảo cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn sống với cha, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của ông C, giao cháu T, cháu N cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi, ông C không phải cấp dưỡng nuôi cháu H. Ông C hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên việc ông C không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu N, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông C xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông C xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Nguyễn Chiến C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hồ Nguyễn Chiến C được ly hôn với bà Bùi Thị Tú T.

- Về con chung: Giao hai con chung là Hồ Anh T, sinh ngày 25/02/2011 và Hồ Huỳnh N, sinh ngày 03/10/2013 cho ông Hồ Nguyễn Chiến C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T, cháu N đủ 18 tuổi. Bà Bùi Thị Tú T không phải cấp dưỡng nuôi cháu T, cháu N.

Giao con chung là Hồ Quỳnh H, sinh ngày 01/11/2015 cho bà Bùi Thị Tú T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ông Hồ Nguyễn Chiến C không phải cấp dưỡng nuôi cháu H.

Bà Bùi Thị Tú T và ông Hồ Nguyễn Chiến C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Bà Bùi Thị Tú T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hồ Anh T, Hồ Huỳnh N của ông Hồ Nguyễn Chiến C. Ông Hồ Nguyễn Chiến C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Hồ Quỳnh H của bà Bùi Thị Tú T.

- Về tài sản chung: Ông Hồ Nguyễn Chiến C xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông Hồ Nguyễn Chiến C xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Ông Hồ Nguyễn Chiến C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền ứng án phí ông C đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0005850, ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông C đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Bà Bùi Thị Tú T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã A, TĐ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh